

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2018
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Tân,
2. Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh,

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tùng C,

Địa chỉ: Khối C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị O,

Địa chỉ: Xóm T, thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Nguyễn Tùng C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị O tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian tìm hiểu được khoảng 01 năm thì kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 22/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh C tại Khối C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm cho nên cuộc sống không có

hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Hiện nay, anh C xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn chị O.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung, tên Nguyễn Hoài Nhật T, sinh ngày 06/11/2012, hiện đang sống cùng anh C. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Anh xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị O đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị thống nhất về quá trình tìm hiểu và kết hôn mà anh C đã khai. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh C tại khối C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau, anh C nhiều lần đánh đập Chị. Không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên chị O đã bỏ con về nhà của bố mẹ Chị sống từ năm 2014 đến nay, anh C có ra một lần rồi bỏ con vào cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh C xin ly hôn Chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung, tên Nguyễn Hoài Nhật T, sinh ngày 06/11/2012, hiện đang sống cùng anh C. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn Chị có mong muốn được nuôi con, nhưng do con ở cùng anh C mấy năm nay nên Chị thống nhất giao cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, Chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn H, xã T, huyện Q, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Nguyên đơn anh Nguyễn Tùng C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tùng C và chị Nguyễn Thị O lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

T vào tháng 5 năm 2012, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh C hay gây gổ, đánh đập chị O làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh C và chị O đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh C, chị O.

[3]. Về nuôi con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 đứa con chung, tên Nguyễn Hoài Nhật T, sinh ngày 06/11/2012, hiện đang sống cùng anh C. Anh C và chị O đều thống nhất giao con cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù anh C không yêu cầu chị O cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng chị O tự nguyện cấp dưỡng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Xét, yêu cầu của anh C, chị O là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4]. Về chia tài sản chung và phần nợ: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung, không nợ chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn, chị O phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Xử vắng mặt anh Nguyễn Tùng C.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tùng C và chị Nguyễn Thị O.
3. Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Tùng C và chị Nguyễn Thị O giao cháu Nguyễn Hoài Nhật T, sinh ngày 06/11/2012 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị O tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh C là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng

7/2018 đến khi cháu T trưởng thành (tròn 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Tùng C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2015 0001122, ngày 02 tháng 02 năm 2018. Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị O biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã T;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

